TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 91/2026/HS-ST
Ngày 12-03-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - SƠN LA

- Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Biên

Ông Hà Văn Cương

- Thư ký phiên toà: Bà Cầm Thị Phương Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La tham gia phiên toà: Ông Mai Văn Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 - Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 85/2026/TLST-HS ngày 05/02/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2026/QĐXXST-HS ngày 27/02/2026 đối với:

- Các bị cáo:

1. Đinh Thị H, tên gọi khác: Không; sinh ngày: 06/3/1993 tại xã P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã P, Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông: Đinh Văn Ố (đã chết) và con bà: Tòng Thị D, sinh năm 1957; chồng là Vì Văn N, sinh năm 1991 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, tỉnh Sơn La từ ngày 19/11/2025 cho đến nay, có mặt.

2. **Vì** Thị H3; tên gọi khác: Không; sinh ngày 02/6/1989 tại xã P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản C, xã P, Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Vì Văn P (đã chết) và bà Lò Thị H1, sinh năm 1963; có chồng Quàng Văn D1 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, tỉnh Sơn La từ ngày 19/11/2025 cho đến nay, có mặt.

3. Tòng Thị D2; tên gọi khác: Không; sinh ngày: 03/8/1993 tại xã P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản L, xã P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; tôn giáo: Không; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt

Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; con ông Tòng Văn T và bà Quàng Thị Ư, sinh năm 1971; có chồng là Vì Văn N1 và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã P, tỉnh Sơn La từ ngày 19/11/2025 cho đến nay, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Định Thị H2: Ông Đặng Văn Q, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Vì Thị H3: Ông Nguyễn Bá L, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Tòng Thị D2*:* Bà Trần Bích L1, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh S, có mặt.

- ***Bị hại***: Ông Tòng Văn P1 và bà Lò Thị T1, cùng trú tại bản Cang, xã P, tỉnh Sơn La, có mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***:

1. Ông Tòng Văn T2, sinh năm 1988, nơi cư trú: bản C, xã P, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

2. Ông Vì Văn N, sinh năm 1991; nơi cư trú: Bản L, xã P, Sơn La, có mặt.

3. Ông Vì Văn N1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Bản L, xã P, Sơn La, có mặt.

- ***Người phiên dịch cho bị cáo*** Vì Thị H3: Ông Lò Văn L2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố E, xã S, tỉnh Sơn La, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/11/2025, Công an xã P, tỉnh Sơn La nhận được tố giác về tội phạm của ông Tòng Văn P1 với nội dung: Tối ngày 31/10/2025 gia đình ông P1 bị mất trộm quả cà phê tại nương cà phê tại khu vực Pu Pá P thuộc bản C, xã P, tỉnh Sơn La, ông nghi ngờ Vì Thị H3 là người thực hiện hành vi trộm cắp.

Ngày 02/11/2025, tiến hành khám nghiệm hiện trường, kết quả: Hiện trường xảy ra vụ trộm cắp tài sản là mảnh nương cà phê của gia đình Tòng Văn P1 tại bản Cang, xã P, tỉnh Sơn La, hướng Bắc giáp với nương cà phê của ông Quàng Văn Đ, hướng Tây giáp nương cà phê của ông Vì Văn M, hướng Nam giáp nương cà phê của ông Tòng Văn T2, hướng Đông giáp nương cà phê của ông Lò Văn T3 sinh năm 1989. Diện tích nương cà phê là 906,09 m^2, mật độ cây cà phê 1,3m chiều cao trung bình cây cà phê 1,4m, cây cà phê đã bị hái hết quả, còn một số cây chưa bị hái quả cà phê trên cây đã chín đỏ, lẫn một số quả xanh. Vật chứng thu giữ:

Ngày 01/11/2025, thu giữ của Vì Thị Hiên: 99 kg quả cà phê tươi, 02 bao tải dứa đựng quả cà phê trộm cắp và 01 chiếc rổ nhựa màu xanh, hiệu VN300.

Ngày 03/11/2025, thu giữ của Đinh Thị H: 02 bao tải dứa đựng quả cà phê trộm cắp; 01 rổ nhựa màu xanh hiệu Việt Nhật; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Type, biển kiểm soát 26F1- 02274; 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Quàng Văn P2 và 2.480.000đồng.

Ngày 03/11/2025, thu giữ của Tòng Thị D2: 02 bao tải dứa đựng quả cà phê trộm cắp; 01 chiếc rổ nhựa màu xanh nhãn hiệu No.3058; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 26F1- 076.04; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vì Văn N1 và 2.420.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 05/11/2025, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã P kết luận: 295kg cà phê Arabica tươi có giá 7.670.000 đồng.

Kết luận giám định số 1322/KL-KTHS ngày 06/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh S, kết luận: số tiền 4.900.000 đồng gửi đi giám định là tiền thật.

Quá trình điều tra vụ án Vì Thị H3, Đinh Thị H và Tòng Thị D2 khai nhận hành vi phạm tội như sau:

Chồng của H và chồng của D2 là anh em ruột nên H và D2 là chị em dâu ở chung một nhà, Vì Thị H3 là mợ của chồng H và D2 nên cả 03 bị cáo có quan hệ họ hàng thân thích. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 31/10/2025, H3 và D2 đến nhà của Đinh Thị H để mua gà giống. Do thiếu tiền tiêu sài cá nhân, H đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H rủ H3 và D2 cùng nhau đi hái trộm cà phê để bán lấy tiền tiêu sài cá nhân, H3 và D2 đồng ý. Hiên rủ đến nương cà phê (loại cà phê A đang cho thu hoạch năm thứ hai) của vợ chồng ông Tòng Văn P1 và bà Lò Thị T4 cách nhà H3 khoảng 300m để hái trộm cà phê H và D2 đều đồng ý. Hiên đi về nhà mình chuẩn bị rổ nhựa và 02 bao tải, còn D2 và H đi lấy xe mô tô của gia đình và mang theo mỗi người một chiếc rổ nhựa, 02 chiếc bao tải đến nhà H3. Khoảng 20 giờ cùng ngày, H, H3 và D2 đi bộ đến nương cà phê, dùng tay rà vào các cành cà phê tuốt quả cho vào rổ rồi đổ vào bao tải đến khi đầy các bao tải mang theo. Đến khoảng 23 giờ thì mỗi người đều hái được đầy 02 bao tải quả cà phê. Hiên vác 02 bao cà phê của mình về nhà cất giấu, còn H và D2 tự vác bao cà phê của mình xuống để ở lề đường, sau đó đi lấy xe mô tô để ở nhà H3 chở về nhà mình cất giấu không cho ai biết.

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 01/11/2025, ông Tòng Văn T2, đi thu mua cà phê dạo qua nhà, H và D2 đã bán 04 bao cà phê trộm cắp cho ông T2. Tổng khối lượng 04 bao cà phê là 196kg (Hạnh 101kg, D2 95kg), giá thu mua 25.500đồng/kg, được tổng số tiền 5.000.000đồng (H được chia 2.580.000đồng, D2 được chia 2.420.000đồng), mua được cà phê ông T2 đổ 04 bao cà phê vào thùng xe tải chung với số cà phê đã mua được của người khác trước đó. Sau đó ông T2 tiếp tục đến khu vực nhà H3 thì H3 gọi bán 02 bao cà phê có khối lượng 99kg nhưng chưa kịp thanh toán tiền thì bị Tổ công tác Công an xã P, tỉnh Sơn La kiểm tra phát hiện thu giữ vật chứng. Tại Công an xã P, qua đấu tranh Vì Thị Hiên đã khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng với Đinh Thị H và Tòng Thị D2. Các đối tượng đã giao nộp vật chứng liên quan đến vụ án, riêng Đinh Thị H mới nộp 2.480.000 đồng, còn lại 100.000đồng đã chi tiêu chưa giao nộp.

Tại bản cáo trạng số: 77/CT-VKS-KV3 ngày 02/02/2026, của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La đã truy tố các bị cáo Đinh Thị H, Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo Đinh Thị H, Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội.

Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tòng Văn T2 có ý kiến: Ông là người mua quả cà phê của các bị cáo nhưng không biết do các bị cáo trộm cắp mà có; việc mua bán công khai, ngay tình và sát với giá thị trường; số quả cà phê mua của H và D2 đã trộn lẫn với cà phê mua của người khác và đã bán cho Công ty C, không xác định được nên không giao nộp lại cho Cơ quan điều tra được. Ngoài ra ông không có ý kiến, yêu cầu bồi thường gì khác.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vì Văn N, ông Vì Văn N1 có ý kiến: Ông N là chồng của bị cáo Đinh Thị H, ông N1 là chồng của bị cáo Tòng Thị D2; các ông không biết việc bị cáo H, D2 sử dụng chiếc xe mô tô làm công cụ phương tiện phạm tội, gia đình rất hoàn cảnh khó khăn, đây là tài sản chung của vợ chồng, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình; đề nghị trả lại chiếc xe mô tô và 01 Giấy đăng ký xe mô tô cho các ông.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La trình bày lời luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị H, Vì T và Tòng Thị D2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H từ 18 tháng đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Vì Thị H3 từ 16 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Tòng Thị D2 từ 16 tháng đến 20 tháng cải tạo không giam giữ.

Giao người bị kết án cho UBND xã P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc các bị cáo Đinh Thị H, Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền 10.000.000 đồng đã bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Ghi nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Tòng Văn T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Về vật chứng vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã trả lại 99kg quả cà phê cho các bị hại.

Tịch thu tiêu hủy 06 bao tải dứa; 03 chiếc rổ nhựa;

Trả cho ông Vì Văn N 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Type, biển kiểm soát 26F1- 02274 kèm 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Quàng Văn P2;

Trả cho ông V Văn Ngoan 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 26F1- 076.04 kèm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vì Văn N1

Trả cho bị cáo Đinh Thị H số tiền 2.480.000 đồng; Trả cho bị cáo Tòng Thị D2 số tiền 2.420.000 đồng.

Về án phí: Miễn án phí Hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Đinh Thị H, *Vì* Thị H3 *và* Tòng Thị D2 *trình bày luận cứ bào chữa:* Nhất trí với phần luận tội của kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo mức đề nghị của viện kiểm sát, cho bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

Các bị cáo, bị hại, ông Vì Văn N, *ông* Vì Văn N1 *cùng có ý kiến*: Nhất trí với phần luận tội của kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, đề nghị áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ để các bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng:* Cơ quan điều tra Công an tỉnh S, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 –Sơn La, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Tòng Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa nhưng hồ sơ đã có đầy đủ lời khai, xét thấy việc ông T2 vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên vẫn tiến hành xét xử theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] *Về tình tiết định tội, định khung hình phạt:*

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra, không thay đổi, bổ sung nội dung gì, hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La. Các bị cáo khẳng định khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với: Biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 02/11/2025; Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 05/11/2025 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã P; Kết luận giám định số 1322/KL-KTHS ngày 06/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh S; Các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung đối với các bị cáo về thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện hành vi phạm tội; Biên bản ghi lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các chứng cứ khác trong hồ sơ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Từ khoảng 20 giờ đến 23 giờ ngày 31/10/2025, tại bản Cang, xã P, tỉnh Sơn La các bị cáo Đinh Thị H, Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu, lợi dụng việc không có người trông coi để lén lút chiếm đoạt trái phép tài sản của vợ chồng ông Tòng Văn P1, bà Lò Thị T4 295 kg quả cà phê Arabica tươi có trị giá 7.670.000 đồng để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ và vai trò phạm tội của bị cáo:*

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương, còn là nguyên nhân phát sinh tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe giáo dục, phòng ngừa chung cho xã hội.

Trong vụ án này, bị cáo Đinh Thị H là người khởi xướng và xúi giục các bị cáo Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 phạm tội nên có vai trò đầu vụ. Các bị cáo Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 tiếp nhận ý chí của Đinh Thị H cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên có vai trò đồng phạm giản đơn. Cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự để cá thể hóa hình phạt đối với các bị cáo.

[4] *Xét về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:*

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo, tại phiên tòa tỏ ra ăn năn hối cải về việc đã làm; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã tự nguyện, chủ động bồi thường toàn bộ thiệt hại; được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; là phụ nữ; phải nuôi con chưa thành niên; sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế. Cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phần nào đối với bị cáo.

Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này luôn chấp hành tốt chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước; có nơi cư trú rõ ràng, ổn định có cơ quan có thẩm quyền giám sát, giáo dục; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự. Không cần cách ly các bị

cáo ra khỏi xã hội bởi các bị cáo có khả năng tự cải tạo. Việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ với các bị cáo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; các bị cáo cải tạo ngoài cộng đồng cũng đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung, thể hiện đường lối xét xử vừa nghiêm trị, vừa khoan hồng, thể hiện sự nhân văn của Nhà nước theo Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Về việc phải thực hiện nghĩa vụ theo các quy định về cải tạo không giam giữ: Xét thấy, các bị cáo là người lao động tự do không có việc làm nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, không có khả năng thi hành, miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Song các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quy định tại khoản 4 điều 36 Bộ luật Hình sự.

Phù hợp với quan điểm của viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Các bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, không có khả năng thi hành nên không áp dụng.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã trả lại 99 kg quả cà phê cho các bị hại Tòng Văn P1. Các bị cáo Đinh Thị H, Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền 10.000.000 đồng, đã bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Tòng Văn T2 không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại.

Xét thấy thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7] *Vật chứng vụ án:*

Đối việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S trả cho các bị hại 99kg quả cà phê tươi, Hội đồng xét xử xét thấy đây là vật mau hỏng, khó bảo quản, việc trả lại ngay cho các bị hại, chủ sở hữu hợp pháp không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và thi hành án, cần ghi nhận.

Đối với 06 bao tải dứa; 03 chiếc rổ nhựa là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 2.480.000 đồng thu giữ của bị cáo Đinh Thị H; số tiền 2.420.000 đồng thu giữ của bị cáo Tòng Thị D2 (tổng cộng 4.900.000 đồng). Hội đồng xét xử nhận thấy đây là giá trị bằng tiền của số cà phê các bị cáo H, D2 đã trộm cắp của ông P1, bà T2. Lẽ ra số tiền này sẽ được trả lại cho ông P1, bà T2. Nhưng do các bị cáo đã tự nguyện ứng trước tiền của bản thân để bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, đã bồi thường xong, các bị hại không yêu cầu gì thêm. Do đó cần trả lại cho các bị cáo.

Đối với số quả cà phê ông Tòng Văn T2 mua của bị cáo H và bị cáo D2 đã trộn lẫn với cà phê mua của người khác và đã bán cho Công ty C, không xác định được nên không giao nộp lại cho Cơ quan điều tra được là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Type, biển kiểm soát 26F1- 02274 là tài sản chung của bị cáo Đinh Thị H và ông Vì Văn N. Xét thấy chiếc xe không phải là vật chứng trong vụ án khác, ông N không biết việc bị cáo H sử dụng làm công cụ phương tiện phạm tội, gia đình ông rất hoàn cảnh khó khăn, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là văn bản pháp lý xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu. Việc ông N đề nghị trả lại xe và 01 Giấy đăng ký xe mô tô xe máy mang tên Quàng Văn P2 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 26F1-076.04 là tài sản chung ông Vì Văn N1 và bị cáo Tòng Thị D2. Xét thấy chiếc xe không phải là vật chứng trong vụ án khác, ông V Văn N1 không biết việc bị cáo D2 sử dụng chiếc xe mô tô làm công cụ phương tiện phạm tội, gia đình ông rất hoàn cảnh khó khăn, là phương tiện đi lại duy nhất của gia đình. Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là văn bản pháp lý xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của ông N1. Việc ông Vì Văn N1 đề nghị trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 26F1- 076.04 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Vì Văn N1 là có căn cứ, cần chấp nhận.

Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] *Các vấn đề khác:* Ông Tòng Văn T2 là người mua quả cà phê của các bị cáo nhưng không biết do các bị cáo trộm cắp mà có; việc mua bán công khai, ngay tình và sát với giá thị trường nên Cơ quan điều tra không khởi tố về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[9] *Về án phí:* Các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa đều xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58, khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Thị H, Vì T, Tòng Thị D2 phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Đinh Thị H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Vì Thị H3 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Tòng Thị D2 16 (mười sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ thời điểm Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh S nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao người bị kết án Định Thị H2, Vì T, Tòng Thị D2 cho UBND xã P, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình

người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND xã P, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trong trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật thi hành án hình sự.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo nhưng các bị cáo phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự

Ghi nhận việc các bị cáo Đinh Thị H, Vì Thị H3 và Tòng Thị D2 đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho các bị hại với tổng số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đã bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm. Trả cho bị cáo Đinh Thị H số tiền 2.480.000 đồng (Hai triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng); trả cho bị cáo Tòng Thị D2 số tiền 2.420.000 đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng); được trích từ số tiền 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) đang lưu giữ tại Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La.

Ghi nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, anh Tòng Văn T2 không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh S đã trả lại 99kg quả cà phê cho các bị hại.

Tịch thu tiêu hủy 06 bao tải dứa; 03 chiếc rổ nhựa;

Trả cho ông Vì Văn N 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Type, biển kiểm soát 26F1- 02274 kèm 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Quàng Văn P2;

Trả cho ông 01 Vì Văn Ngoan xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 26F1- 076.04 kèm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Vì Văn N1.

(Mô tả chi tiết theo Quyết định chuyển vật chứng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Sơn La; biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra công an tỉnh S và Phòng thi hành án dân sự khu vực 03 - Sơn La).

4. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 3 năm 2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12 tháng 3 năm 2026).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo phần Bản án trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt Bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND cùng cấp (02 bản);
- Cơ quan thi hành án Hình sự Công an tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Người tham gia tố tụng
- UBND xã Púng Bánh, tỉnh Sơn La;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mai